

MỘT THỜI Ở “ĐỘI CK”

Bút ký Hồ Kiên Giang

“Sau Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, địch bình định ác liệt ngăn cản chiến trường Vĩnh Long – Trà Vinh với căn cứ U Minh, đồng thời, chúng đóng cửa biên giới Hà Tiên, Châu Đốc, làm cho việc vận chuyển vũ khí, đạn dược bằng đường du kích vô cùng khó khăn. Cả chiến trường Quân khu 8 và Quân khu 9 gồm các tỉnh Trung Nam Bộ và Tây Nam Bộ lúc bấy giờ thiếu thốn trầm trọng về vũ khí, đạn dược, thuốc men, hóa chất... Bước vào năm 1969, để giải tỏa bế tắc trong hoạt động giao thông vận tải của ta, do địch “tràn ngập lãnh thổ” đánh phá và ngăn chặn quyết liệt các trục giao thông hành lang, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã linh hoạt sử dụng các phương thức vận tải công khai, bán công khai với du kích mật. Sử dụng nhiều loại đường, nhiều tuyến đường, nhiều lực lượng vận tải. Nắm chắc các quy luật của địch mà đề ra các phương án và hình thức vận tải từng lúc, từng nơi cho phù hợp. Kiên quyết đưa bằng được vũ khí và vật chất hậu cần từ mọi nguồn đến tận các đơn vị chiến đấu”. Mở đầu câu chuyện, Đại tá Nguyễn Hồ, nguyên Chính trị viên Tiểu đoàn 804 thuộc Phòng Hậu cần Quân khu 9, nói với giọng dứt khoát. Ký ức về một thời tung hoành ngang dọc giữa chiến trường chống Mỹ ác liệt bằng nhiều hình thức giả dạng khác nhau cùng những người nông dân chân chất nhưng quả cảm bỗng dưng sống lại trong vị đại tá bảy

mươi bảy tuổi này khi tôi khơi gợi. Ông nhớ như in mọi chuyện, mỗi chuyến đi và những gương mặt thân quen của từng gia đình, dù già hay trẻ nhỏ, đã tham gia vận chuyển vũ khí, đạn dược vượt qua đồn bốt giặc cho các mặt trận.

Ông Nguyễn Hồ kể: Tháng 12 năm 1968, Quân khu 9 thành lập Hội đồng cung cấp tiền phương Quân khu, có nhiệm vụ huy động mọi nguồn lực hậu cần chiến đấu, mà trọng tâm là huy động lực lượng và phương tiện vận tải, tổ chức tiếp nhận và vận chuyển hàng quân sự của Trung ương chi viện từ Campuchia về biên giới, từ biên giới về bằng đường biển, đường sông, đường bộ. Mặt khác, ta cũng sử dụng nhiều phương thức và lực lượng vận tải để đưa nhiều vũ khí về đến chiến trường. Giữa năm 1969, Phòng Hậu cần Quân khu 9 thành lập một đơn vị lấy phiên hiệu là S804 (còn gọi là Tiểu đoàn 804), dùng ghe hai đáy hoạt động vận tải theo phương thức CK (tức công khai), làm giấy tờ giả của địch, đi hợp pháp trên vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đưa vũ khí, hàng quân sự đến khắp các chiến trường. Đồng thời, đưa đón nhiều cán bộ trung, cao cấp từ Quân khu về Bộ Tư lệnh Miền và ngược lại. Thật ra, phương thức vận chuyển công khai này xuất hiện sau Mậu Thân 1968, khi địch bình định ác liệt ở tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Trước khó khăn về vũ khí, cán bộ đi về Khu ủy qua sông Cửu Long, giang thuyền của địch dày đặc, nhiều đồng chí cán bộ hy

sinh, Đội giao liên của Khu, tỉnh bị cắt liên lạc hàng mấy tháng trời, thậm chí có lúc phía đầu cầu Vĩnh Long, Trà Vinh hàng chục cán bộ qua sông không qua được, phải nằm chờ tháng này qua tháng khác. Trong khi đó, ở đầu cầu bên này của Cần Thơ, Sóc Trăng, cán bộ của Khu xuống tỉnh không qua được cứ đọng rải rác dọc tuyến sông khiến lãnh đạo Khu, tỉnh hết sức lo lắng. Từ trong khó khăn, chuyện cũ chín năm đánh Pháp đúc kết lại, tạo ra phương thức làm ghe hai đáy để vận chuyển vũ khí. Nhưng để đưa vũ khí từ chiến khu ra các mặt trận không chỉ có ghe hai đáy là đủ mà đòi hỏi có đội quân mưu trí, dũng cảm, dám làm và sẵn sàng hy sinh!

Để thuận tiện cho đội quân này đi lại trên các tuyến đường sông Hồng Ngự, Hà Tiên, Miệt Thứ, kênh xáng Xẻo Rô, Năm Căn, Măng Thít..., vượt qua đồn bót địch giăng khắp, gián điệp và cảnh sát Ngụy ngày đêm kiểm soát gắt gao an toàn, Phòng Hậu cần Quân khu 9 phân công đồng chí Nguyễn Hồ, đang làm Trưởng ban Quân lực thuộc Cục Hậu cần, về phụ trách công tác làm giấy tờ công khai hợp pháp, tức là giấy giả của Ngụy. Công việc tưởng chừng đơn giản nhưng khá vất vả, bởi làm việc ngoài vườn phải cách xa dân, hoặc phải làm đêm để tránh người theo dõi lộ phương thức, nhất là bà con đến giao dịch, chụp ảnh, lãn tay... để làm giấy tờ hợp pháp, đặc biệt là lộ phương thức hoạt động công khai. Trong tổ bốn người, đồng chí Út Cục phụ trách khâu kỹ thuật, đồng chí Nguyễn Hồ chuyên lo giao dịch với khách hàng, nắm tình hình địch theo dõi xem Tỉnh trưởng nào thay đổi, chữ ký như thế nào. Có thời điểm, địch nghi ta làm giấy giả nên thường xuyên thay đổi chữ ký, hoặc không thay đổi chữ ký thì thêm một dấu chấm dưới

hay một gạch ngang, ta cũng phải tinh ý theo dõi ký nhái sao cho giống. Riêng về khắc dấu phải dùng loại gỗ tốt nhất là cây dâu ở miệt Cái Tàu – U Minh, mà lúc đó đồn đóng dày đặc sông Cái Tàu nên hai đồng chí còn lại nhận nhiệm vụ này cũng vô cùng khó khăn, nguy hiểm.

Năm 1973, địch không làm số đuôi căn cước nữa, thay vào đó là căn cước làm bằng nhựa rỗng xanh mộc nổi, trong khi kỹ thuật này bộ phận làm giấy tờ giả của ta chưa làm được. Mấy tháng sau, bộ phận làm giấy công khai nhận được từ đường Quân khu đem về giấy căn cước rỗng xanh do Liên Xô (cũ) giúp đỡ, ta chỉ về in chữ, gắn hình, nhận mộc nổi và ép nóng. Tuy nhiên, nếu địch phát hiện chúng chỉ cần nhúng qua bể lại thì giấy này sẽ bong tróc, vì kỹ thuật ép nóng thủ công của ta không thể nào bằng địch làm được. Để khắc phục chuyện giấy căn cước, ta bày cho người được cấp giấy ép bên ngoài bằng miếng ni-long. Nếu địch hỏi tại sao ép căn cước kỹ quá vậy thì trả lời sợ chìm xuống, chìm ghe hay chạy nhảy trốn máy bay té xuống nước không hư! Địch nghe có lý. Nhờ vậy mà nhiều người thoát nạn.

Có thể nói, làm giấy tờ giả để hợp thức hóa cho bà con đi công khai đưa rước cán bộ, vận chuyển vũ khí mà để sơ hở thì xảy ra việc khó lường trong hoạt động “đơn tuyến, đơn chiếc” này. Do làm tốt các khâu trên mà bà con đi đường, đối phó với địch rất yên tâm vững tin vào hồ sơ, giấy tờ của ta cấp, tuy giả mà như thật. Mặt khác, việc cấp giấy này phải kịp thời, đảm bảo đúng thời gian, không để trễ hẹn. Bởi để trễ hẹn thì trên đầu cầu như Hồng Ngự, Vĩnh Xương..., hàng ở các bến anh em đưa ra rồi mà không nhận được rất nguy hiểm, cũng như dưới bến U Minh mà không kịp hợp đồng, tiếp

nhận không được bà con sẽ bơ vơ, ngồi trên đồng vũ khí như “ngàn cân treo sợi tóc”... Việc cấp giấy tờ giả cho các đồng chí cán bộ trung – cao cấp càng phải thận trọng, tỉ mỉ như anh Phạm Ngọc Hưng (Năm Hải), Tư lệnh Quân khu; các anh Bùi Thanh Khiết (Hai Thanh), Bùi Như Nho (Tám Xuân) – Phó Chính ủy Quân khu. Đặc biệt, làm giấy cho anh Ngô Đức Như (Hai Như) – Trưởng Phòng Hậu cần Quân khu, càng khó gấp mấy lần. Bởi anh quê Miền Bắc nên chọn chỗ ở sao cho phù hợp như vùng Nam Thái Sơn hay Cái Sắn – Tân Hiệp, vùng này người Bắc di cư nhiều. Ngoài nhiệm vụ cấp giấy còn phải làm đạo diễn cho các anh thuộc lòng giấy tờ đã ghi, cách đối phó khi xảy ra bất trắc, dự kiến tình huống xấu nhất kể cả kết hợp với người dẫn đường, những người đóng vai chồng, vai vợ, vai chú, vai bác... sao cho phù hợp, ăn ý với nhau.

*

**

Tiểu đoàn 804 ngoài cán bộ, chiến sĩ vận chuyển vũ khí, vận chuyển người, liên lạc hỏa tốc, chuyển tiền bạc đổi bằng triệu đô-la chuyển về Quân khu, Tiểu đoàn còn có nhiều bến bãi tiếp nhận hàng ở U Minh, Năm Căn, Long Mỹ, Vĩnh Châu, lộ Vòng Cung... cho các trung đoàn chủ lực. Tiểu đoàn có trại mộc chuyên đóng ghe hai đáy, nhưng phải cải tiến sáng kiến đóng ghe sao cho phù hợp như ghe vùng Hồng Ngự vóc dáng thế nào, miệt Trà Vinh kiểu cách ra sao v.v...

Trong vận chuyển vũ khí có hàng trăm lần qua lại, lên xuống, luôn lách dọc ngang sông rạch qua mặt địch, đảm bảo phương châm bí mật giữ cho được đường dây và biết bao chuyện đưa rước cán bộ đi công khai từ miền Tây lên R và ngược lại. Có lần, đồng chí Cao Văn Đổm (Năm Đổm) giao nhiệm vụ cho đồng chí

Nguyễn Hồ, nói: “Tiền phương điện về, phải làm sao chở được 100 quả đạn B40 và B41 chiều mai có mặt để kịp giao cho Trung đoàn 1 đang vào cao điểm”. Nhận nhiệm vụ, chỉ hai tiếng sau là phải bố trí đi ngay. Đồng chí Nguyễn Hồ giao nhiệm vụ quan trọng này cho má Bảy và ông Út Đồng Hồ đóng giả vợ chồng, vận chuyển bằng vỏ lãi hai đáy từ U Minh (Cà Mau) về Vĩnh Viễn (Cần Thơ). Má Bảy là đảng viên chí cốt một thời nuôi chứa đồng chí Phan Ngọc Sến (Mười Kỷ, Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau thời kỳ khó khăn Luật 10/59). Còn ông Út Đồng Hồ, tuy không phải là đảng viên, nhưng ông có rất nhiều kinh nghiệm đối phó, vì đã mấy lần bị địch bắt ở Sông Đốc, đồn Bà Kẹo, ông đều qua hết mà không lộ công việc của đơn vị.

Chiếc vỏ lãi hai đáy chở khảm lé đế nước, chuối nguyên buồng (quây) công kênh để trên. Khi đến đập Hội Đồng Thành, gần 17 giờ chiều mà không có ghe nào qua lại để nhờ tiếp kếp qua đập. Chiếc vỏ lãi nặng nề, hai người lớn tuổi nhìn nó vô phương kéo qua. Lúc này, bọn lính đi càn quét vùng U Minh lữ lượt kéo về ngang đó, má Bảy nhanh trí gọi: “Mấy con ơi! Trời sắp tối rồi, mấy con ráng giúp kéo chiếc vỏ qua đập giùm, má cảm ơn. Trên ghe có chuối chín, bánh tét, bánh dứa, mấy con lấy ăn rồi tiếp má nghen!”. Bọn lính đang đói rấp lại kéo chiếc vỏ, nửa chừng nặng quá dừng lại hỏi: “Sao chiếc vỏ lãi này dài, bầu đều của lườn kỳ quá vậy bà? Hèn chi nặng thấy mẹ!”. Ông Út Đồng Hồ nghe tụi lính than có vẻ tình nghi, ông cũng lo lắng, nhưng ông bình tĩnh giải thích: “Tụi bây ơi, chiếc vỏ của tao cũ nên tao đắp thêm xi-măng. Thợ nó làm quá dày nên nặng vậy đó”. Qua được đập, ông Út và má Bảy thở phào nhẹ nhõm. Trưa đó, đến đồn Vĩnh Thuận (Rạch Giá) đậu nghỉ

ăn trưa. Chẳng may, mấy đứa nhỏ nhảy xuống sông tắm, tụi nó lặn qua lặn lại đụng đầu vô lườn chiếc vỏ lãi, la âm lên: “Tụi bây ơi, lặn xuống coi chiếc vỏ lãi này ngộ quá!”. Một lần nữa, ông Út thót mình, sợ tụi nó nói sẽ làm bọn lính và tề ở gần đó đến thì tai hại. Chưa ăn xong, ông Út và má Bảy liền nhổ sào chạy liền.

Một lần khác là sau Hiệp định Paris, ta đang đánh nhau với 27 tiểu đoàn địch lấn chiếm Long Mỹ - Vị Thanh. Lệnh của đồng chí Lê Đức Anh (Sáu Nam), Tư lệnh Quân khu (sau này là Chủ tịch nước), trong vòng hai ngày phải chuyển nhanh từ Năm Căn về Long Mỹ 150 quả đạn cối 120 ly. Tiểu đoàn 804 lúc này đóng ở Ba Đình. Sau khi nhận nhiệm vụ phải tổ chức đi ngay, vì từ Ba Đình xuống Năm Căn phải đi một ngày, về cũng một ngày. Bàn đi tính lại, đồng chí Nguyễn Hồ giao nhiệm vụ này cho bà Ba Nhứt. Bà Ba Nhứt tuy không phải là đảng viên, nhưng rất chí cốt, đáng tin cậy. Cả gia đình gần chục người lớn nhỏ đều đi ghe công khai cho ta từ sau Mậu Thân 1968 và lập nhiều thành tích, vài lần được tặng Huân chương chiến công. Khi nghe nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, yếu tố thời gian không thể chậm trễ được, bà Ba lặng người. Rất lâu sau bà nói: “Tôi không thể đi được!”. Đây là việc lạ. Bởi từ trước đến nay giao nhiệm vụ không khi nào bà Ba nói như vậy. “Ngày mai mồng năm âm lịch, những người đi ghe không thể xuất bến, sợ xui!”, bà Ba giải thích. Nhưng nghĩ một hồi bà Ba nảy ra sáng kiến, đề nghị trong một giờ sau phải tìm cách mua khoảng 1.200 trái khóm để lấy ngày mồng bốn xuất bến, cũng là bảo đảm thời gian của trên. Tất cả được huy động theo yêu cầu của bà Ba. Chuyển vận chuyển này đạt kết quả, đồng chí Tư lệnh Quân khu từ tiền phương điện về khen ngợi.

*

**

Ở chiến trường Quân khu 9, lực lượng vận tải Phòng Hậu cần Quân khu, ngoài chức năng vận chuyển vũ khí từ các kho của Quân khu tiếp tế cho các đơn vị bằng phương thức bí mật như trước đây còn sử dụng phương tiện thủy, dùng giấy tờ “hợp pháp” trực tiếp lên biên giới nhận hàng chuyển về nội địa qua đường công khai. Lực lượng này được tổ chức theo hướng “quần chúng hóa, địa phương hóa và chuyên nghiệp hóa”, hoạt động theo nguyên tắc “đơn tuyến, đơn chiếc”. Song, bằng loại phương tiện ghe hai đáy, cộng với những con người quả cảm, mưu trí, xử lý khôn khéo mọi tình huống trước kẻ thù, hoạt động vận tải của Quân khu 9 đã đưa được hàng trăm tấn vũ khí qua mắt địch, phân phối kịp thời cho các mặt trận. Ngoài việc vận chuyển vũ khí bằng ghe hai đáy, những khi có thời cơ, Quân khu 9 còn sử dụng ghe buôn có trọng tải lớn từ 25 đến 30 tấn lên tận biên giới đưa vũ khí về nội địa để giải quyết các yêu cầu cấp thiết với khối lượng lớn cho chiến trường. Trong nghệ thuật đối phó trực diện với địch, ta lấy “tình, lý, tiền” làm phương tiện để qua mắt chúng.

Trên chiến trường Quân khu 8, để đưa vũ khí từ các điểm biên giới về chiến trường phải xuyên qua Đồng Tháp Mười trong điều kiện địch thường xuyên ngăn chặn, đánh phá ác liệt, Quân khu phải huy động mọi lực lượng gồm bộ đội, thanh niên xung phong và dân công, vận dụng linh hoạt các hình thức vận tải công khai, bí mật, bằng mọi tuyến đường, mọi phương tiện để đưa vũ khí, đạn dược từ các nguồn của Quân khu đến khắp các mặt trận. Tuyến tải nhân dân thực hiện theo phương thức chuyển tải từng cung đoạn ngắn kiểu “sâu do” trên vùng lãnh thổ hẹp của địa phương mình, tuy

chậm nhưng chắc, ít bị tổn thất vì nhân dân thông thạo địa hình, nắm vững quy luật hoạt động của địch, biết chọn thời điểm và đường đi thích hợp để đưa hàng đến đích. Cứ như vậy, nhiều tấn vũ khí từ biên giới được nhân dân “vận chuyển dây chuyền” xã này qua xã khác đến tận chiến trường.

Tháng 4 năm 1972, chiến trường miền Tây Nam Bộ bước vào cao điểm đánh phá bình định, cả Bộ Tư lệnh Quân khu và các cơ quan Quân khu dồn lên vùng trọng điểm Long Mỹ, Vị Thanh. Đơn vị CK lúc này có tên là Tiểu đoàn 804 cũng theo lên chiến trường trọng điểm, hành quân suốt tuần từ miệt Khánh Bình (Cà Mau) cắt qua rừng U Minh Hạ, U Minh Thượng đến vùng Ba Đình, Nước Cháy, đóng quân tại ấp Bến Bàu, xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Các mặt trận đánh phá ác liệt nên nhu cầu về vũ khí, đạn dược tăng cao. Vì vậy, nhiệm vụ của Tiểu đoàn 804 rất rộng, với hơn 20 chiếc tàu hai đáy từ 10 đến 50 tấn, hàng chục vỏ lãi cũng hai đáy, một số ghe nhỏ làm liên lạc hoặc chuyển cán bộ len lách bán công khai. Tiểu đoàn trưởng Năm An thường xuyên đi theo ghe hợp pháp lên các chốt Sở Thượng, tiếp giáp biên giới Campuchia móc nối các bến nhận vũ khí. Chính trị viên Nguyễn Hồ chủ yếu nắm tư tưởng, động viên bà con, chú, bác, anh chị và các cháu nhỏ theo cha mẹ. Đây là những gia đình đã giác ngộ cách mạng, hoạt động kiểu đem cả gia đình, con cháu, dâu rể, cha mẹ, thậm chí nội ngoại cùng xuống chiếc ghe năm ba chục tấn giả dạng làm ăn, buôn bán khắp xứ. Hầu hết họ không sợ hy sinh, tù đầy, sẵn sàng xả thân mình, cứ ung dung trên chiếc ghe mà dưới lòng ghe là hàng chục tấn vũ khí, lao lách qua hàng trăm đồn bót địch, đem vũ khí từ biên giới Campuchia về tận mũi Cà Mau

cho bộ đội đánh giặc. Thật phi thường, nếu như 5 đến 10 tấn vũ khí đó để cho bộ đội, thanh niên xung phong khuân vác về chẳng những cả tiểu đoàn quân phải mất hai – ba tháng mới đem về được, mà chưa chắc năm – mười tấn vũ khí đó về đến Cà Mau trọn vẹn. Trong khi đó, với phương thức vận chuyển công khai chỉ cần một ghe với một cụ già, một cha, một mẹ, một em gái lái máy tàu thuận thực, thì đã đem những tấn hàng đó chỉ trong hai ngày từ biên giới về căn cứ U Minh an toàn.

Ông Nguyễn Hồ khẳng định rằng, dùng ghe hai đáy vận chuyển vũ khí, đạn dược trong kháng chiến chống Mỹ ở Đồng bằng sông Cửu Long đã mở ra hướng mới khá độc đáo. Lúc đầu, đóng ghe chở từ 500 đến 700kg, sau phát triển ghe có trọng tải lớn, có chiếc chở một tấn hàng. Có lúc tình hình quá khẩn cấp, bà con hiến kế phải *chở xá* (tức là dùng ghe không phải hai đáy), chỉ cần mua một ghe sâu lườn chất hàng xuống dưới, trên thì chất đầy bắp, bí, khoai, mía, dừa nước, dừa khô... Chất sao cho bít đầy để khi địch có xét hỏi thì đối phó bằng cách trả lời: “Đàn bà, con nít làm sao khuân vác hàng này lên nổi. Nếu mấy chú nghi ngờ thì kêu lính khiêng lên hết coi thiệt hay giả. Tụi tui là dân làm ăn thật thà mà!”. Trong một lần vận chuyển qua đồn Hồng Ngự (Đồng Tháp), tên đồn trưởng kêu lính xuống vác khoai, bắp lên để xét thật. Ông Ba Nhứt nhanh trí, cặp ghe sau của mình tới, cũng đầy hàng và nói: “Ghe đó bà con với tui đó mấy chú ơi! Nếu mấy chú bốc vác ghe đó thì ghe tui mấy chú cũng bốc lên hết tui mới chịu!”. Nói vậy chỉ để hù dọa bọn lính, chứ nếu tụi nó chịu vác thì ông cũng không biết xử lý như thế nào. Vậy là bọn lính kêu ông Ba Nhứt lên gặp đồn trưởng và kèm theo một gói lót tay. Ông Ba Nhứt lên

gặp đồn trưởng và quay trở lại mặt mày tươi tỉnh, không quên cho mấy tên lính khân vác mỗi thùng một tút Ru-bi. Rồi nhổ neo.

Sự ra đời của phương thức *chở xá* còn có ý nghĩa quan trọng là lựa chọn bà con phải gan dạ, vững vàng, có lối ứng xử với địch lưu loát, biết tạo ra mặt hàng buôn bán ở vùng nào đến, phải chở hàng gì, khéo nói, khéo ngụy trang. Đặc biệt, phải chọn bà con đã quen các tuyến đường, các đồn bót nhiều lần đã đi qua, vì *chở xá* rất nguy hiểm, chỉ cần địch bốc hàng lên là thấy vũ khí ngay chớ không phải như ghe hai đáy. Ghe hai đáy giống như làm hầm bí mật, phải đóng nắp hầm sao cho khớp, không có khe hở, sát sát với cong ghe, nhiều lúc chỉ huy vẫn không biết chỗ nào là nắp hầm của ghe, mỗi ghe mỗi khác. Còn cái lợi của *chở xá* là chở được những loại vũ khí nặng, công kênh mà ghe hai đáy không chở được như: H12, đế cối 120 ly, DKZ75...

*

**

Bên cạnh việc vận chuyển vũ khí, đạn dược, đơn vị CK còn đưa rước cán bộ đi công tác. Một lần rước đồng chí Bùi Thanh Khiết (Hai Thanh) – Phó Chính ủy Quân khu từ R về miền Tây, vì là cán bộ cao cấp quan trọng nên phải chọn người vừa tin cậy, vừa gan dạ mưu trí. Trong rất nhiều anh chị lão luyện, sành sỏi đường đi, chị Tư Rạng – vợ đồng chí Chính ủy Phòng Hậu cần, cũng là đảng viên lâu năm của Vĩnh Long – được giao nhiệm vụ quan trọng này. Trên đường rước đồng chí Hai Thanh từ Cái Sách – Hồng Ngự về không có gì trắc trở. Chị Tư đóng vai vợ khá ăn khớp. Còn anh Hai tuy ít đi công khai, nhưng anh khá vững vàng qua đồn địch, nhất là nét mặt, cử chỉ không có gì thay đổi, lại còn tỏ ra lưu loát, bông đùa lúc mấy tên lính chọc gheo ông bà,

xin đồ ăn, thuốc hút... Nhưng một chuyện rủi không lường trước là khi về đến đồn Xáng Cụt, trong ngày đó, du kích ta pháo kích vào đồn ban trưa nên chưa đến 17 giờ địch cho thiết quân luật, bắt hết các ghe xuống neo đậu tại đồn Xáng Cụt để về đêm ta không pháo kích vào đồn của chúng. Đêm đó, anh Hai và chị Tư không thể nào chợp mắt. Chị Tư nghĩ, nếu nửa đêm nay không may ta đánh đồn hoặc pháo kích, tụi địch quần trí xả súng xuống các tàu của dân, kể cả mình, thì chỉ có cách lội xuống sông cắt neo thả theo dòng nước, tới đâu thì tới. Nghĩ vậy chị Tư quyết định thực hiện theo kế hoạch. Đến hơn bảy giờ sáng hôm sau, cũng là hết giờ thiết quân luật của địch, ghe của chị Tư đưa anh Hai về đến bến an toàn.

Trước khi về Tiểu đoàn 804, anh chị em hay nhắc những người tiền bối tạo ra phương pháp hoạt động này là ông bà Chín, cả hai đã ngoài sáu mươi tuổi, từng chở vũ khí công khai cho Vĩnh Long và nhiều lần qua mặt giang thuyền của địch dày đặc trên sông Cửu Long từ Campuchia về, từ Cà Mau sang đều an toàn. Sau năm 1968, trong một chuyến vận chuyển, ông bà bị bọn giang thuyền bắt được tại cầu bắc Cần Thơ. Chúng neo ghe ông bà qua đêm chờ sáng sau giải về Vùng 4 chiến thuật. Đêm đến, ông bà quyết không để sáng ra lộ hết phương thức vận chuyển vũ khí này và mất hàng tấn vũ khí quý hiếm của cách mạng giao cho mình, nên nửa đêm ông lặn xuống sông, dùng cảm cắt dây neo thả cho ghe trôi xuôi dòng nước. Không may cho ông bà, sau khi cắt được ghe chỉ còn bà ở trên không đủ sức chèo chống, đúng lúc bọn địch phát hiện, ông bà đã nhận chìm ghe để vũ khí không rơi vào tay địch. Chiếc ghe và hai vợ chồng già vĩnh viễn nằm dưới dòng sông Hậu. Sự hy sinh thầm lặng và tấm gương anh dũng của ông bà

Chín cả đơn vị 804 còn nhắc mãi!

Những câu chuyện như vậy vẫn xảy ra thường xuyên với đội quân CK trên khắp vùng sông nước Cửu Long, vui buồn lẫn lộn, thậm chí có trường hợp khá hy hữu. Ông Nguyễn Hồ kể: “Một lần chở anh Hồ Phú Hoảnh (Sáu Hoảnh, Đoàn trưởng Đoàn 195K), xuất phát từ Ba Đình (Vĩnh Lộc, Hồng Dân, Bạc Liêu) lên biên giới Campuchia. Chuyến này đi bằng đường bán công khai. Theo nguyên tắc, đi công khai hay bán công khai thì quyết định là người đi phải tự nguyện, không được gượng ép. Qua nhiều lần trao đổi, anh Sáu Hoảnh cảm thấy không yên tâm đi hợp pháp, vì anh còn trẻ so với giấy căn cước (làm căn cước cho anh phải quá tuổi quân dịch), anh lo ra thị thành ăn mặc không quen, gặp lính tráng qua đôn sợ mình không giữ được bình tĩnh làm hại cả những người dắt mình đi. Sau khi hội ý bàn phương án, tôi quyết định dùng ghe lườn hoặc chài từ 60 đến 70 tấn, kiểu dáng Hồng Ngự - Tân Châu (ghe lớn nhất trong các chiếc ghe của Tiểu đoàn 804 lúc bấy giờ), mua mấy chục khối củi đước chất kiểu dáng chuồng heo để anh có chỗ ăn nằm, đề phòng khi đi vài ngày do dịch ruộng bố phải neo đậu lại chờ. Chiều đó, ghe rời bến từ Ba Đình ra Rạch Giá. Khi chạy đến đôn Nhà Ngang mới hay trong ngày đó, du kích pháo kích vào đôn nên bọn lính bắt tất cả xuống ghe không cho đi và cũng không cho quay lại. Cả khúc sông Nhà Ngang đông nghẹt xuống ghe. Chị Trương Thị Mỹ, người trực tiếp đưa anh Sáu Hoảnh đi chuyến này hội ý trong ghe với má Tư Chắc: “Nếu để ghe đậu đây sáng hôm sau cũng không lộ liễu gì. Nhưng nếu đêm nay mình đánh đôn hoặc pháo kích nữa, biết đâu hai bên đánh nhau chìm ghe nửa đêm nửa hôm làm sau tốc củi ra để cứu anh Sáu thoát, hả má?!” Suy đi tính lại, cuối cùng chị Mỹ

quyết định khoảng 22 giờ, chờ cho nước lớn đổ mạnh, chệch lợi xuống sông cắt dây neo cho ghe trôi dạt khỏi đôn. Sáng hôm sau, chưa được năm giờ thì ghe chị Mỹ đã đi xa, nhưng hóa ra đưa anh Sáu Hoảnh trở về nơi... xuất bến. Chiều lại, ghe chị Mỹ và gia đình má Tư chắc tiếp tục hành trình. Đi lần này mọi việc đều êm xuôi”.

*

**

Đầu năm 1974, tình hình súng đạn cho các lực lượng vũ trang Quân khu rất bức thiết để chuẩn bị thời cơ. Phòng Hậu cần Quân khu giao đồng chí Nguyễn Hồ phải đi lo một hướng vận chuyển mới bằng đường biển. Hướng này phải dùng phương thức công khai và bán công khai mới đưa được nhiều vũ khí, đạn dược về. Đường dây này ở đầu trên của 195A (anh Lê Nam, Ba Diệp) đang ứ đọng hàng, trong khi Tiểu đoàn 804 chỉ nhận hàng chỗ 195K (anh Sáu Hoảnh) vẫn không hết. Riêng ở Phú Quốc (anh Ba Song, Hai Nhượng) hàng từ ngoài Bắc đưa vào và Campuchia đưa về cũng đầy kho. Vì vậy, phải tìm cách mua tàu biển ra Phú Quốc nhận hàng đưa về bằng đường công khai. Còn hướng Lê Nam, Ba Diệp ở Hà Tiên thì dùng bán công khai. Nhận nhiệm vụ xong, ba ngày sau, đồng chí Nguyễn Hồ báo cáo với thủ trưởng Phòng Hậu cần về phương án và đề xuất xin người, phương tiện và tiền. Trước nhất cần vài đồng chí công khai, trên bộ cần có một trung đội vận tải, một trung đội làm hai bến tiếp nhận và chuyển hàng. Ngoài ra, cần có hai tổ máy PRC25 để liên lạc hai đầu cầu phía trên là Hòn Me (Ba Hòn), phía dưới là Thứ Ba (An Biên) đều thuộc tỉnh Rạch Giá.

Tuần đầu, chiều nào các chiến sĩ thông tin cũng ra ven biển từ Thứ Hai, Thứ Một đến sát cửa biển sông Cái Lớn để bắt sóng máy PRC25 ở Hòn Me của

đại đội bến đang chốt trên đó. Sở dĩ chiều tối mới ra vàm kênh vì tàu tuần cao tốc của ngụy dày đặc, núp theo bìa rừng biển, thấy bóng dáng ghe tàu là chúng nổ máy, chỉ hai – ba phút sau là đuổi kịp. Nhiều đồng chí hy sinh hoặc bị bắt do biệt kích bằng tàu cao tốc này. Năm chắc quy luật hoạt động của tàu địch dưới biển và trên bờ hai đầu không có địch phục kích, khoảng năm – sáu giờ chiều cho xuống hàng chở từ bảy đến tám trăm kg súng đạn, trên ngụy trang lưới cào, gọng cào, đèn pha, nón bàng... như ngư dân đánh bắt hải sản thứ thiệt. Vậy là đêm nào cũng xuất bến (nếu êm), năm bảy chiếc vỏ lãi tốc hành ra khơi từ Hòn Me về miệt An Biên. Lúc đầu vận chuyển hàng tương đối thuận lợi, vì ta mở thêm được hướng mới, mà hướng này lại vận chuyển nhanh, khối lượng nhiều, nếu không có gì trục trặc chỉ ba giờ là về đến bến, khối lượng chở từ bằng đến hơn trọng lượng chiếc ghe hai đáy.

Trong khi đó, đồng chí Hai Nhượng thường xuyên ở Phú Quốc để tiếp nhận hàng Miền Bắc đưa vào và Campuchia về. Đồng chí Chín Lâm ở Đá Bạc (U Minh) cũng nhận hàng ở Phú Quốc về. Có lần anh em chạy nhắm theo hướng đèn biển Rạch Giá, nhìn đèn biển sao đó mà chạy thẳng sát vào thị xã, chạy lách qua vàm sông Cái Lớn suýt chút nữa đụng đồn Xáng Cụt (Rạch Sỏi). May sao, địch không phát hiện. Hoặc có lần chạy nửa đường ngang qua Hòn Tre bị chết máy, đến lúc mặt trời lên nhưng loay hoay hoài không sửa được, anh em dùng hết lưới đánh cá ngụy trang nằm phơi nắng giữa biển khơi. Sau đó, gió chuyển hướng, đến trưa tàu mới vào đến bờ.

Ông Nguyễn Hồ đưa cho tôi xem cuốn sổ tay cũ kỹ, nhạt nhòa nét chữ, nói: “Mình không thể tính được đã vận chuyển bao nhiêu tấn vũ khí, đạn dược,

hay đưa rước mấy bận cán bộ đi – về giữa miền Tây Nam Bộ và miền Đông Nam Bộ từ lúc hình thành đơn vị CK và hoạt động đều khắp toàn vùng. Chỉ riêng trong hai năm 1973-1974, lực lượng vận tải chuyên nghiệp Quân khu 9 cùng nhân dân Đồng bằng sông Cửu Long với nhiều hình thức và phương thức vận chuyển đa dạng, sáng tạo, quả cảm đã vượt qua nhiều khó khăn và thử thách ác liệt, tiếp nhận và vận chuyển trên 2.900 tấn vũ khí từ mọi hướng của Trung ương chi viện, cung cấp cho các lực lượng vũ trang Quân khu chiến đấu; trong đó, lực lượng vận tải công khai thực hiện gần 2.500 tấn”. Vị đại tá này cũng nói thêm, rằng việc vận chuyển vũ khí công khai và bán công khai từ khi hình thành cho đến ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, đều đảm bảo được bí mật, kẻ địch không thể ngờ dù chúng có hàng trăm chiếc thuyền cao tốc giăng đầy dọc dài bờ biển, sông rạch, cố ngăn chặng đường tiếp tế, chi viện của ta. Còn lưới tình báo gián điệp của địch cũng hết sức nguy hiểm, bọn mật thám, thám báo rải dây theo sát đường vận tải, nhưng với sự mưu trí và lòng dũng cảm, được sự giúp đỡ tận tình của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ đơn vị CK Quân khu 9 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. “Có thể nói, Tiểu đoàn 804 đã góp phần quan trọng đưa phương thức vận tải công khai – một hoạt động khá độc đáo chỉ có ở chiến trường sông nước Nam Bộ. Nó là chiến tranh nhân dân. Chỉ có nhân dân mới làm nên kỳ tích ấy!”, Đại tá Nguyễn Hồ “chốt” lại như thế khi hơn nửa cuộc đời mình lăn lộn vận chuyển vũ khí bằng ghe hai đáy trên khắp chiến trường Đồng bằng sông Cửu Long trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cho đến đại thắng mùa xuân năm 1975.